HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03/2015/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 năm 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng

Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với một số nội dung sau:

1. Phạm vi, đối tượng, điều kiện và nguyên tắc áp dụng

a) Phạm vi xã hội hóa theo Nghị quyết này bao gồm các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Đối tượng áp dụng:

- Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

+ Các cơ sở ngoài công lập được thành lập, hoạt động theo Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thục đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề) hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

+ Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập, hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa nêu trên có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa nêu trên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008, đồng thời nằm trong quy hoạch mạng lưới phát triển ngành, lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo Nghị quyết này.

Riêng điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa đối với lĩnh vực giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của Trung ương.

d) Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa:

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

- Các cơ quan nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

- Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động, trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

- Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

2. Nội dung một số chính sách

a) Chính sách cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất:

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa.

- Hằng năm, căn cứ khả năng ngân sách, nhu cầu khuyến khích xã hội hóa và quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc xây dựng mới một phần hoặc toàn bộ cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa hoặc sử dụng quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có thuộc phạm vi quản lý để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê có thời hạn.

- Thời gian cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu không dưới 10 năm. Hết thời hạn này, nếu các cơ sở thực hiện xã hội hóa còn có nhu cầu sử dụng cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thì được ưu tiên tiếp tục gia hạn thuê, thời gian của một đợt gia hạn tối thiểu không dưới 05 năm.

- Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa; cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa và việc góp vốn, liên doanh, liên kết để thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Thông tư số 135/2008/TT-BTC và Thông tư số 156/2014/TT-BTC.

b) Chính sách hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã có cơ sở hạ tầng phải nộp chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng hoặc xây dựng nhà, cơ sở vật chất ở nơi phải tự xây dựng cơ sở hạ tầng thì được nhà nước hỗ trợ một phần (%) kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng phải nộp hoặc kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng (theo dự án được duyệt và đã quyết toán) của dự án xã hội hóa theo từng địa bàn như sau:

+ Địa bàn các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi: 40%.

+ Địa bàn các xã thuộc thành phố Quảng Ngãi và thị trấn các huyện đồng bằng (kể cả thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành): 50%.

+ Địa bàn thị trấn các huyện miền núi: 55%.

+ Địa bàn các xã thuộc huyện đồng bằng (kể cả các xã của huyện Nghĩa Hành): 70%.

+ Địa bàn các xã thuộc huyện miền núi và huyện Lý Sơn: 75%.

- Trường hợp dự án xã hội hóa vừa đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm này, vừa đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng quy định tại Nghị quyết này.

c) Chính sách cho thuê đất:

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, Thông tư số 135/2008/TT-BTC và Thông tư số 156/2014/TT-BTC.

- Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa để ban hành mức miễn, giảm tiền thuê đất theo từng lĩnh vực và khu vực địa bàn ưu đãi xã hội hóa sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Chính sách ưu đãi về tín dụng:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước. Các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với từng lĩnh vực xã hội hóa phổ biến các chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các lĩnh vực xã hội hóa của bộ, ngành trung ương để các cơ sở thực hiện xã hội hóa biết và thực hiện.

đ) Về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường, lệ phí trước bạ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về thuế, phí và lệ phí có liên quan.

e) Các vấn đề về chính sách huy động vốn, xử lý tài sản trên đất khi chuyển đổi các hình thức hoạt động, nguồn thu, phân phối kết quả tài chính và trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện đúng theo quy định tại các mục VIII, IX, X, XI, XII của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 năm 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

g) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được nhà nước giao đất, cho thuê đất đủ điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và đã ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư dự án xã hội hóa theo phương án bồi thường được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 59/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trước ngày 01/8/2014) nhưng chưa được hoàn trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được hoàn trả theo quy định của Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2009 và Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Quy định cụ thể trình tự, thủ tục để thực hiện các nội dung nêu tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Quyết định phương thức hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng cho từng dự án cụ thể đảm bảo phù hợp với từng địa bàn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 23/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XI thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2015, tại kỳ họp thứ 15./.

CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng